Jos

Chapter 3

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

1

עַד־	וַיָּבֹאוּ	מֵהַשִּׁטִּים	וַיִּסְעוּ	בַּבֹּקֶר	יְהוֹשֻׁעַ	וַיַּשְׁכֵּם
bờ	và-đến	từ-Si-tim	và-họ-ra-đi	vào-buổi-sáng	Giô-suê	Giô-suê-dậy-sớm
H5704	H0935	H7851	H5265	H1242	H3091	H7925

הַיַּרְדֵּן	הוּא	וְכָל־	בְּנֵי	יִשְׂרָאֵל	וַיָּלִנוּ	שָׁם	טֶרֶם	יַעֲבֹרוּ׃
sông-Giô-đanh	ông	và-tất-cả	con-cái	Y-sơ-ra-ên	và-nghỉ-lại	đó	trước-khi	vượt-qua
H3383	H1931	H3605		H3478		H8033	H2962	

> Giô-suê dậy sớm, ở Si-tim đi cùng hết thảy dân Y-sơ-ra-ên, đến mé sông Giô-đanh, và ngủ đêm tại đó trước khi qua sông.

2

וַיְהִי	מִקְצֵה	שְׁלֹשֶׁת	יָמִים	וַיַּעַבְרוּ	הַשֹּׁטְרִים	בְּקֶרֶב	הַמַּחֲנֶה׃
Và-sau	cuối	ba	ngày	các-quan-trưởng-đi-qua	các-quan-trưởng	giữa	trại
H1961		H7969	H3117		H7860	H7130	H4264

> Cuối ba ngày, các quan trưởng đi khắp trại quân

3

וַיְצַוּוּ	אֶת־	הָעָם	לֵאמֹר	כִּרְאוֹתְכֶם	אֵת	אֲרוֹן	בְּרִית־
và-truyền-lệnh	cho	dân-sự	rằng	Khi-các-ngươi-thấy	[ngữ pháp]	Hòm	Giao-ước-của
H6680	H0853		H0559	H7200	H0853	H0727	H1285

יְהוָה	אֱלֹהֵיכֶם	וְהַכֹּהֲנִים	הַלְוִיִּם	נֹשְׂאִים	אֹתוֹ
Giê-hô-va	Đức-Chúa-Trời-các-ngươi	cùng-các-thầy-tế-lễ	người-Lê-vi	khiêng	nó
H3068	H0430	H3548	H3881	H5375	H0853

וְאַתֶּם	תִּסְעוּ	מִמְּקוֹמְכֶם	וַהֲלַכְתֶּם	אַחֲרָיו׃	
thì-các-ngươi	hãy-ra-đi	từ-chỗ-mình	và-đi-theo	sau-nó	
	H5265	H4725	H1980		

> truyền lịnh này cho dân sự rằng: Khi các ngươi thấy những thầy tế lễ về dòng Lê-vi khiêng hòm giao ước của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi, thì phải bỏ chỗ đóng trại mình mà đi theo sau.

4

אַךְ	רָחוֹק	יִהְיֶה	בֵּינֵיכֶם	[ובינו]	(וּבֵינָיו)	כְּאַלְפַּיִם	אַמָּה
Nhưng	khoảng-cách	phải-giữ	giữa-các-ngươi	và-giữa	và-giữa-nó	khoảng-hai-ngàn	cu-bít
H0389	H7350	H1961	H0996	H0996	H0996	H0505	

בַּמִּדָּה	אַל־	תִּקְרְבוּ	אֵלָיו	לְמַעַן	אֲשֶׁר־	תֵּדְעוּ	אֶת־	הַדֶּרֶךְ	אֲשֶׁר
theo-đo-lường	chớ	lại-gần	nó	để	mà	các-ngươi-biết	[ngữ pháp]	đường	mà
	H0408	H7126	H0413	H4616		H3045	H0853	H1870	

תֵّלְכוּ־	בָּהּ	כִּי	לֹא	עֲבַרְתֶּם	בַּדֶּרֶךְ	מִתְּמוֹל	שִׁלְשׁוֹם׃	ס
các-ngươi-phải-đi	theo	vì	chưa	các-ngươi-đã-đi-qua	đường-này	trước	đây	—
H3212			H3808		H1870	H8543	H8032	

> Song le giữa khoảng các ngươi và hòm giao ước phải cách chừng hai ngàn thước; chớ đến gần, hầu cho các ngươi có thể biết đường mình phải đi theo; vì các ngươi chưa hề đi đường này bao giờ.

5

וַיֹּאמֶר	יְהוֹשֻׁעַ	אֶל־	הָעָם	הִתְקַדָּשׁוּ	כִּי	מָחָר	יַעֲשֶׂה	יְהוָה
Giô-suê-nói	Giô-suê	với	dân-sự	Hãy-thanh-tẩy-mình	vì	ngày-mai	sẽ-làm	Giê-hô-va
H0559	H3091	H0413		H6942		H4279		H3068

בְּקִרְבְּכֶם	נִפְלָאוֹת׃
giữa-các-ngươi	những-phép-lạ
H7130	H6381

Giô-suê cũng nói cùng dân sự rằng: Hãy làm cho mình ra thánh, vì ngày mai Đức Giê-hô-va sẽ làm những việc lạ lùng giữa các ngươi.

6

וַיֹּאמֶר	יְהוֹשֻׁעַ	אֶל־	הַכֹּהֲנִים	לֵאמֹר	שְׂאוּ	אֶת־	אֲרוֹן	הַבְּרִית
Giô-suê-nói	Giô-suê	với	các-thầy-tế-lễ	rằng	Hãy-khiêng	[ngữ pháp]	Hòm	Giao-ước
H0559	H3091	H0413	H3548	H0559	H5375	H0853	H0727	H1285

וְעִבְרוּ	לִפְנֵי	הָעָם	וַיִּשְׂאוּ	אֶת־	אֲרוֹן	הַבְּרִית	וַיֵּלְכוּ	לִפְנֵי
và-đi-qua	trước-mặt	dân-sự	Họ-liền-khiêng	[ngữ pháp]	Hòm	Giao-ước	và-đi	trước
	H6440		H5375	H0853	H0727	H1285	H3212	H6440

הָעָם׃	ס
dân-sự	—

Đoạn, Giô-suê nói cùng những thầy tế lễ rằng: Hãy khiêng hòm giao ước đi qua trước dân sự. Vậy, những thầy tế lễ khiêng hòm giao ước và đi đầu dân sự.

7

וַיֹּאמֶר	יְהוָה	אֶל־	יְהוֹשֻׁעַ	הַיּוֹם	הַזֶּה	אָחֵל	גַּדֶּלְךָ
Giê-hô-va-phán	Giê-hô-va	với	Giô-suê	Ngày	hôm-nay	Ta-bắt-đầu	tôn-cao-ngươi
H0559	H3068	H0413	H3091	H3117	H2088		H1431

בְּעֵינֵי	כָּל־	יִשְׂרָאֵל	אֲשֶׁר	יֵדְעוּן	כִּי	כַּאֲשֶׁר	הָיִיתִי	עִם־	מֹשֶׁה
trước-mắt	cả	Y-sơ-ra-ên	để	họ-biết-rằng	rằng	như	Ta-đã-ở	cùng	Môi-se
	H3605	H3478		H3045			H1961		H4872

אֶהְיֶה	עִמָּךְ׃
Ta-sẽ-ở	cùng-ngươi
H1961	

Đức Giê-hô-va phán cùng Giô-suê rằng: Ngày nay ta khởi tôn ngươi lên trước mặt cả Y-sơ-ra-ên, để chúng nó biết rằng ta sẽ ở cùng ngươi như ta đã ở cùng Môi-se vậy.

8

וְאַתָּה	תְּצַוֶּה	אֶת־	הַכֹּהֲנִים	נֹשְׂאֵי	אֲרוֹן־	הַבְּרִית	לֵאמֹר
Còn-ngươi	hãy-truyền	cho	các-thầy-tế-lễ	khiêng	Hòm	Giao-ước	rằng
	H6680	H0853	H3548	H5375	H0727	H1285	H0559

כְּבֹאֲכֶם	עַד־	קְצֵה	מֵי	הַיַּרְדֵּן	בַּיַּרְדֵּן	תַּעֲמֹדוּ׃
Khi-các-ngươi-đến	bờ	mép-nước	nước	sông-Giô-đanh	trong-sông-Giô-đanh	hãy-đứng-lại
H0935	H5704		H4325	H3383	H3383	H5975

פ
—

Ngươi phải truyền lịnh này cho những thầy tế lễ khiêng hòm giao ước: Khi nào các ngươi đến mé sông Giô-đanh, thì hãy dừng lại tại giữa sông.

9

וַיֹּאמֶר	יְהוֹשֻׁעַ	אֶל־	בְּנֵי	יִשְׂרָאֵל	גֹּשׁוּ	הֵנָּה	וְשִׁמְעוּ	אֶת־
Giô-suê-nói	Giô-suê	với	con-cái	Y-sơ-ra-ên	Hãy-đến-đây	đây	và-hãy-nghe	[ngữ pháp]
H0559	H3091	H0413		H3478	H5066	H2008	H8085	H0853

דִּבְרֵי	יְהוָה	אֱלֹהֵיכֶם׃
lời	Giê-hô-va	Đức-Chúa-Trời-các-ngươi
H1697	H3068	H0430

Giô-suê bèn nói cùng dân Y-sơ-ra-ên rằng: Hãy lại gần, nghe lời của Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi.

10

וַיֹּאמֶר	יְהוֹשֻׁעַ	בְּזֹאת	תֵּדְעוּן	כִּי	אֵל	חַי
Giô-suê-nói	Giô-suê	Nhờ-điều-này	các-ngươi-sẽ-biết	rằng	Đức-Chúa-Trời	hằng-sống
H0559	H3091	H2063	H3045		H0410	

בְּקִרְבְּכֶם	וְהוֹרֵשׁ	יוֹרִישׁ	מִפְּנֵיכֶם	אֶת־
ở-giữa-các-ngươi	và-chắc-chắn-sẽ-đuổi	sẽ-đuổi	khỏi-trước-mặt-các-ngươi	[ngữ pháp]
H7130	H3423 H3423	H3423	H6440	H0853

הַכְּנַעֲנִי	וְאֶת־	הַחִתִּי	וְאֶת־	הַחִוִּי	וְאֶת־	הַפְּרִזִּי	וְאֶת־
người-Ca-na-an	và	người-Hê-tít	và	người-Hê-vít	và	người-Phê-rê-xít	và
	H0853	H2850	H0853	H2340	H0853	H6522	H0853

הַגִּרְגָּשִׁי	וְהָאֱמֹרִי	וְהַיְבוּסִי׃
người-Ghiếc-ga-sít	và-người-A-mô-rít	và-người-Giê-bu-sít
H1622	H0567	H2983

Đoạn, người nói: Nhờ điều này các ngươi sẽ biết rằng Đức Chúa Trời hằng sống ngự giữa các ngươi, và Ngài sẽ đuổi khỏi trước mặt các ngươi dân Ca-na-an, dân Hê-tít, dân Hê-vít, dân Phê-rê-sít, dân A-mô-rít, và dân Giê-bu-sít.

11

הִנֵּה	אֲרוֹן	הַבְּרִית	אֲדוֹן	כָּל־	הָאָרֶץ	עֹבֵר	לִפְנֵיכֶם
Kìa	Hòm	Giao-ước	của-Chúa	toàn	thế-gian	sẽ-đi-qua	trước-mặt-các-ngươi
H2009	H0727	H1285	H0136	H3605	H0776		H6440

בַּיַּרְדֵּן׃
vào-sông-Giô-đanh
H3383

Này, hòm giao ước của Chúa cả thế gian đi trước các ngươi vào sông Giô-đanh.

12

וְעַתָּה	קְחוּ	לָכֶם	שְׁנֵי	עָשָׂר	אִישׁ	מִשִּׁבְטֵי	יִשְׂרָאֵל
Vậy-bây-giờ	hãy-chọn	cho-mình	mười	hai	người	từ-các-chi-phái	Y-sơ-ra-ên
H6258	H3947		H8147	H6240	H0376	H7626	H3478

אִישׁ־	אֶחָד	אִישׁ־	אֶחָד	לַשָּׁבֶט׃
mỗi-chi-phái	một	mỗi-chi-phái	một	người
H0376	H0259	H0376	H0259	H7626

Vậy, hãy chọn mười hai người của các chi phái Y-sơ-ra-ên, mỗi chi phái một người;

13

וְהָיָה	כְּנוֹחַ	כַּפּוֹת	רַגְלֵי	הַכֹּהֲנִים	נֹשְׂאֵי	אֲרוֹן	יְהוָה	אֲדוֹן
Và-khi	lòng-bàn-chân	bàn-chân	chân	các-thầy-tế-lễ	khiêng	Hòm	Giê-hô-va	Chúa-của
H1961	H5117	H3709	H7272	H3548	H5375	H0727	H3068	H0136

כָּל־	הָאָרֶץ	בְּמֵי	הַיַּרְדֵּן	מֵי	הַיַּרְדֵּן	יִכָּרֵתוּן	הַמָּיִם
toàn	thế-gian	chạm-vào-nước	sông-Giô-đanh	nước	sông-Giô-đanh	sẽ-bị-chặn-lại	nước
H3605	H0776	H4325	H3383	H4325	H3383	H3772	H4325

הַיֹּרְדִים	מִלְּמַעְלָה	וַיַּעַמְדוּ	נֵד	אֶחָד׃
chảy-xuống	từ-phía-trên	và-dựng-lại	thành-một-đống	một
H3381	H4605	H5975	H5067	H0259

và khi những thầy tế lễ khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va, là Chúa cả thế gian, mới để bàn chơn mình dưới nước sông Giô-đanh, thì nước của sông, tức nước từ nguồn chảy xuống, sẽ chia ra, và dồn lại thành một đống.

14

וַיְהִי	בִּנְסֹעַ	הָעָם	מֵאָהֳלֵיהֶם	לַעֲבֹר	אֶת־	הַיַּרְדֵּן
Và-khi	dân-sự-ra-đi	dân-sự	từ-trại-mình	để-vượt-qua	[ngữ pháp]	sông-Giô-đanh
H1961	H5265		H0168		H0853	H3383

וְהַכֹּהֲנִים	נֹשְׂאֵי	הָאָרוֹן	הַבְּרִית	לִפְנֵי	הָעָם׃
và-các-thầy-tế-lễ	khiêng	Hòm	Giao-ước	trước-mặt	dân-sự
H3548	H5375	H0727	H1285	H6440	

Khi dân sự bỏ các trại mình đặng đi qua sông Giô-đanh, thì những thầy tế lễ khiêng hòm giao ước ở trước mặt dân sự.

15

וּכְבֹּוא	נֹשְׂאֵי	הָאָרוֹן	עַד־	הַיַּרְדֵּן	וְרַגְלֵי	הַכֹּהֲנִים	נֹשְׂאֵי
Và–khi	những–người–khiêng	Hòm	đến	sông–Giô-đanh	và–chân	các–thầy–tế–lễ	khiêng
H0935	H5375	H0727	H5704	H3383	H7272	H3548	H5375

הָאָרוֹן	נִטְבְּלוּ	בִּקְצֵה	הַמָּיִם	וְהַיַּרְדֵּן	מָלֵא	עַל־	כָּל־	גְּדוֹתָיו
Hòm	chạm–vào	mép	nước	sông–Giô-đanh–lúc–ấy	đang–dâng–đầy	tràn	khắp	hai–bờ
H0727	H2881		H4325	H3383	H4390		H3605	H1415

כֹּל	יְמֵי	קָצִיר׃
suốt	những–ngày	mùa–gặt
H3605	H3117	

Vả trọn lúc mùa gặt, sông Giô-đanh tràn lên khỏi bờ. Khi các người khiêng hòm đến sông Giô-đanh, và chơn của những thầy tế lễ khiêng hòm mới bị ướt nơi mé nước,

16

וַיַּעַמְדוּ	הַמַּיִם	הַיֹּרְדִים	מִלְּמַעְלָה	קָמוּ	גֹּד־	אֶחָד	הַרְחֵק
nước–dựng–lại	nước	chảy–xuống	từ–phía–trên	dựng–lên	thành–một–đống	một	xa
H5975	H4325	H3381	H4605		H5067	H0259	H7368

מְאֹד	]באדם[	)מֵאָדָם(	הָעִיר	אֲשֶׁר	מִצַּד	צָרְתָן	וְהַיֹּרְדִים
rất	từ	thành–A-đam	thành–phố	gần	bên–cạnh	Xa-rê-than	còn–nước–chảy–xuống
H3966	H0121	H0121			H6654	H6891	H3381

עַל	יָם	הָעֲרָבָה	יָם־	הַמֶּלַח	תַּמּוּ	נִכְרָתוּ	וְהָעָם	עָבְרוּ	נֶגֶד
về–phía	biển	A-ra-ba	tức–Biển	Muối	rút–cạn	bị–chặn–lại	và–dân–sự	đi–qua	đối–diện
	H3220	H6160	H3220	H4417	H8552	H3772			H5048

יְרִיחוֹ׃
Giê-ri-cô
H3405

thì nước ở trên nguồn thường chảy xuống bèn dừng lại, dồn thành một đống, xa ra một khoảng đến thành A-đam, là thành ở bên cạnh Xát-than; còn nước chảy đến biển đồng bằng, tức Biển mặn, đã rẽ đoạn ra; rồi dân sự đi qua đối ngang Giê-ri-cô.

17

וַיַּעַמְדוּ	הַכֹּהֲנִים	נֹשְׂאֵי	הָאָרוֹן	בְּרִית־	יְהוָה	בְּחָרָבָה
Các–thầy–tế–lễ–đứng	các–thầy–tế–lễ	khiêng	Hòm	Giao–ước–của	Giê-hô-va	trên–đất–khô
H5975	H3548	H5375	H0727	H1285	H3068	H2724

בְּתוֹךְ	הַיַּרְדֵּן	הָכֵן	וְכָל־	יִשְׂרָאֵל	עֹבְרִים	בְּחָרָבָה	עַד	אֲשֶׁר־
giữa	sông–Giô-đanh	vững–vàng	và–cả	Y-sơ-ra-ên	đi–qua	trên–đất–khô	cho–đến–khi	mà
H8432	H3383		H3605	H3478		H2724	H5704	

תַּמּוּ	כָּל־	הַגּוֹי	לַעֲבֹר	אֶת־	הַיַּרְדֵּן׃
xong–hết	cả	dân–tộc	đã–vượt–qua	[ngữ pháp]	sông–Giô-đanh
H8552	H3605			H0853	H3383

Những thầy tế lễ khiêng hòm giao ước của Đức Giê-hô-va dừng chơn vững trên đất khô giữa sông Giô-đanh trong khi cả Y-sơ-ra-ên đi qua trên đất khô, cho đến chừng cả dân đã qua khỏi sông Giô-đanh rồi.